

Số: 07 /BC-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 01 năm 2019



BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý
vi phạm hành chính năm 2018

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT
VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM
HÀNH CHÍNH VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 29/01/2018 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2018 và 09 văn bản¹ chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, các văn bản có liên quan.

¹ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 09/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về triển khai công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy năm 2018 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 24/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020; Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2017; Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Văn bản số 1267/UBND-NC ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật phục vụ kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XVIII; Văn bản số 1617/UBND-KGVX ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018; Báo cáo số 95/BC-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2018; Văn bản số 3490/UBND-NC ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tăng cường thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Đề án tổ chức quản lý, cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã ban hành 75 văn bản² chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản hướng dẫn thi hành.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

III. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN, HƯỚNG DẪN VỀ KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THI HÀNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Toàn tỉnh đã tổ chức 1.420 buổi hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho 65.563 lượt người³; cung cấp tài liệu tuyên truyền cho các ngành, các cấp và nhân dân ở cơ sở.

Chỉ đạo Sở Tư pháp thường xuyên theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ và phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình giải quyết các vụ việc xử lý vi phạm hành chính; tổ chức 01 Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật cho 350 đại biểu đại diện các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và công chức Tư pháp - Hộ tịch 141 xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh; tham gia giải quyết và ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với 15 vụ việc liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

IV. CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 29/01/2018 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2018; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 09/4/2018 về việc triển khai công tác cải thiện và quản lý sau cải thiện ma túy trên địa bàn tỉnh năm 2018; Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày

² Các sở, ban, ngành: 59 văn bản, UBND các huyện, thành phố: 16 văn bản

³ - Cấp tỉnh: 486 Hội nghị, 37.562 lượt người tham gia.

- Cấp huyện, xã: 934 hội nghị, 28.001 lượt người tham gia.

11/04/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó xác định lĩnh vực kiểm tra trọng tâm việc áp dụng các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; lĩnh vực khoáng sản; lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, đối với lĩnh vực kiểm tra trọng tâm, giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp cơ quan liên quan đã tiến hành kiểm tra tại 07 cơ quan, đơn vị, địa phương; giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra liên ngành đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy năm 2018 tại 06 đơn vị, địa phương.

Qua kiểm tra công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tâm 2018, về cơ bản các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, bố trí công chức và đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường nói riêng. Việc lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành kịp thời, đúng nguyên tắc, đúng căn cứ, thẩm quyền, hành vi vi phạm và tuân thủ theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định; lập đầy đủ sổ sách và lưu trữ, quản lý hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tương đối đầy đủ, gọn gàng theo quy định.

Tuy nhiên, qua kiểm tra các cơ quan, đơn vị còn có một số tồn tại, hạn chế như: Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có nơi còn chưa hiệu quả, việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm hành chính chưa triệt để; việc áp dụng pháp luật có trường hợp còn chưa đảm bảo chặt chẽ về căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục. Qua kiểm tra đã kịp thời chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền khắc phục những hạn chế, tồn tại trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác thanh tra, phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Không có

V. XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

- Cấp tỉnh: Sở Tư pháp bố trí Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật để thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. Đối với các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh việc tham mưu thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do công chức pháp chế thực hiện. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 17/19 cơ quan chuyên môn bố trí công chức pháp chế, trong đó có 03 công chức pháp chế chuyên trách, 14 công chức pháp chế kiêm nhiệm.

- Cấp huyện: Phòng Tư pháp 07 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh phân công 01 công chức kiêm nhiệm công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Cấp xã: Tính đến tháng 10/2018, trên địa bàn tỉnh có 206 công chức làm công tác Tư pháp- Hộ tịch/141 xã, phường, thị trấn.

VI. CÔNG TÁC BÁO CÁO, THỐNG KÊ

Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chế độ báo cáo 06 tháng, hàng năm và đột xuất theo đúng quy định.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC THI, ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã phát hiện 2.492 vụ vi phạm hành chính, đã xử phạt 2.279 vụ vi phạm hành chính, trong số đó chủ yếu là các vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường 543 vụ (*chiếm tỉ lệ 21,8%*), quản lý, bảo vệ và phát triển rừng 363 vụ (*chiếm tỉ lệ 14,6%*), giao thông vận tải 205 vụ (*chiếm tỉ lệ 8,2%*).

Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn tỉnh chủ yếu do nhận thức của một số người dân còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Số vụ việc vi phạm và số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số vụ vi phạm hành chính được phát hiện: 2.492 vụ (*tăng 1,88% so với năm 2017*).

- Số vụ bị xử phạt: 2.279 vụ/2492 vụ (đạt tỉ lệ 91,5%), (*giảm 5,3% so với năm 2017*).

- Số đối tượng bị xử phạt: 2.513 đối tượng, trong đó:

+ Xử phạt tổ chức: 38 tổ chức.

+ Xử phạt cá nhân: 2.475 đối tượng.

- Số vụ vi phạm chuyển xử lý bằng hình thức khác: 21 vụ/2.492 vụ (*chiếm tỉ lệ 0,8%*).

- Số vụ chưa xử phạt: 192 vụ/2.492 vụ (*chiếm tỉ lệ 7,7%*).

- Áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nhắc nhở đối với người chưa thành niên: Không.

2. Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Số Quyết định xử phạt: 2.414 quyết định/2.513 đối tượng, trong đó:

+ Xử phạt tổ chức: 38 tổ chức.

+ Xử phạt cá nhân: 2.475 đối tượng.

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã thi hành xong: 2.182 quyết định/2.414 quyết định (đạt tỉ lệ 90,4%).

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa thi hành: 232 quyết định/2.414 quyết định (chiếm tỉ lệ 9,6%).

- Tổng số quyết định bị cưỡng chế thi hành: 05 quyết định.

- Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính thu được: 4.494.655.875 đồng.

- Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu: 3.942.581.878 đồng.

3. Một số vấn đề khác

a) Việc áp dụng các hình thức xử phạt:

- Hình thức xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng thường xuyên là hình thức phạt tiền: 1.416 quyết định.

- Hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn ít được áp dụng: 07 quyết định.

b) Việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu thường xuyên được áp dụng: 90 quyết định.

- Biện pháp cải chính thông tin: không có.

c) Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính:

- Biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính thường xuyên được áp dụng.

- Biện pháp tạm giữ người; khám người; áp giải người vi phạm; khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện; khám phương tiện vận tải, đồ vật: Không có.

d) Các lĩnh vực xảy ra nhiều hành vi vi phạm hành chính là lĩnh vực giao thông vận tải; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Các hành vi vi phạm phổ biến: Không đảm bảo các điều kiện của phương tiện, người lái; thay đổi kích thước thành thùng xe; dùng đồ xe không đúng quy định; vận chuyển lâm sản trái phép.

III. KẾT QUẢ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 193 đối tượng (*giảm 22,2% so với năm 2017*), trong đó:

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: 116 đối tượng, chiếm tỉ lệ 60,1% trong tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: 01 đối tượng, chiếm tỉ lệ 0,5% trong tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 76 đối tượng, chiếm tỉ lệ 39,4% trong tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 190 đối tượng (*giảm 19,9% so với năm 2017*), trong đó:

- Tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: 116 đối tượng, chiếm tỉ lệ 61,1% trong tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: 01 đối tượng, chiếm tỉ lệ 0,5% trong tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 73 đối tượng, chiếm tỉ lệ 38,4% trong tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Tình hình thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Số đối tượng đang chấp hành quyết định: 55 đối tượng;

- Số đối tượng chấp hành xong quyết định: 19 đối tượng, trong đó:

+ Số đối tượng được miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định: 07 đối tượng;

+ Số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định: 05 đối tượng;

- Số lượng vụ việc bị khiếu nại, khởi kiện đối với việc lập hồ sơ đề nghị và ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 03 vụ.

Phần thứ ba

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC XUẤT PHÁT TỪ CÁC CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về tình tiết giảm nhẹ: “*Người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*”. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của nước ta chỉ đề cập đến khái niệm “*Người cao tuổi*” tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, cụ thể: “*Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên*”. Vì vậy, khi xác định người già yếu để áp dụng tình tiết giảm nhẹ còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai không có nội dung quy định xử phạt đối với hành vi hủy hoại đất. Tuy nhiên, tại Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp cố ý hủy hoại đất sẽ bị thu hồi đất, quy định này không phù hợp trong thực tiễn, đối với trường hợp diện tích đất vi phạm không lớn khi thu hồi không giao được cho ai sử dụng dẫn đến lãng phí đất, kém hiệu quả, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Điểm c Khoản 3 Điều 10 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định: “*c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm a, c và e khoản này;*”. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều này không có điểm e và quy định loại trừ quy định tại các điểm a, c; Nghị định quy định như vậy dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

Hiện nay chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về vi phạm hành chính nên việc cập nhật kịp thời thông tin, thống kê về tình hình vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính; thống kê, phân loại lĩnh vực còn gặp nhiều khó khăn.

2. Những khó khăn, vướng mắc khác

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường thường xuyên thay đổi; quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước chưa có quy định cụ thể đối với việc xử lý, xử phạt người khoan và người thuê khoan nước;... dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa triệt để (còn 232/2414 quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa thi hành, chiếm tỷ lệ 9,6%).

Nguyên nhân chủ yếu do: đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên còn chậm trong việc thực hiện quyết định; một số đối tượng không tự giác chấp hành quyết định xử phạt, không có việc làm ổn định, bỏ địa phương đi làm ăn xa, không có tài sản để thực hiện cưỡng chế; công tác cưỡng chế tài sản còn phức tạp, khó thực hiện trong khi số tiền cưỡng chế không lớn nên một số trường hợp đã hết thời hạn chấp hành quyết định; một số trường hợp vi phạm không bị tạm giữ phương tiện, giấy tờ, nên các đối tượng không chấp hành quyết định xử phạt.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội kịp thời sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành để phù hợp với Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác.

- Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính, như: Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,...

2. Đối với Bộ Tư pháp

- Đề nghị Bộ Tư pháp trên cơ sở các vướng mắc, bất cập của pháp luật nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là kỹ năng lập hồ sơ, áp dụng pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính.

- Sớm đưa cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính vào hoạt động, hướng dẫn về công tác tích hợp cơ sở dữ liệu để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tư pháp (Cục QLXLVPHC);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. (P.Hà)

báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Anh

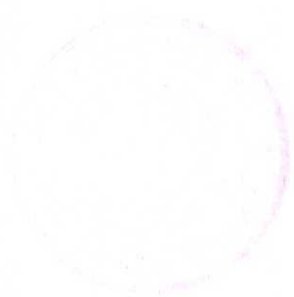


Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 07 BC-UBND ngày 18 /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số vụ vi phạm (vụ)						Số đối tượng bị xử phạt (đối tượng)										Tình hình thi hành các quyết định XPVPHC								
Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra									Số quyết định XPVPHC (quyết định)			Số quyết định hoàn, giảm, miễn thi hành phạt tiền (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị khiếu nại (quyết định)	Số quyết định XPVPHC bị khởi kiện (quyết định)	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	Tổng số tiền phạt thu được (đồng)
	Số vụ đã bị xử phạt	Số vụ chưa xử phạt	Số vụ chuyển xử lý bằng hình thức khác				Tổ chức	Tổng số	Cá nhân							Chia ra								
			Tổng số	Chia ra					Tổng số	Người thành niên		NCTN			Đã thi hành	Chưa thi hành xong								
				Truy cứu TNHS	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN					Chia ra	Tổng số	Chia ra		Tổng số			Chia ra							
												Nam	Nữ				Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
2,492	2,279	192	21	21	0	2,513	38	2,475	2,449	1,803	646	26	25	1	2,414	2,182	232	0	5	0	0	3,942,581,878	4,494,655,875	





Mẫu số 3

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ(*)
(Kèm theo Báo cáo số: **07** /BC-UBND ngày **18** /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Đối tượng bị xử phạt	Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả (quyết định)									
		Khôi phục lại tình trạng ban đầu	Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh	Tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại, văn hóa phẩm có nội dung độc hại	Nộp lại khoản thu bất hợp pháp hoặc số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy	Tháo dỡ công trình vi phạm	Đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện	Cải chính thông tin	Loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm	Thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng	Các biện pháp khắc phục hậu quả khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Cá nhân (A)	90	0	12	5	27	0	0	2	0	23
	Người thành niên (A1)	90	0	12	5	27	0	0	2	0	23
	Người chưa thành niên (A2)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tổ chức (B)	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0
3	Tổng cộng (A+B):	92	0	12	5	28	0	0	2	0	23



Mẫu số 4

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN
VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (*)**

(Kèm theo Báo cáo số: **07** /BC-UBND ngày **18** /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính (quyết định)

Số lượng quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính (quyết định)														
Tạm giữ người			Giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng BPXLHC trong thời gian làm thủ tục áp dụng BPXLHC			Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào TGD, CSGDBB, CSCNBB trong trường hợp bỏ trốn			Khám người	Áp giải người vi phạm	Quản lý người nước ngoài trong thời gian làm thủ tục trực xuất	Tạm giữ TV, PT, GP, CCHN	Khám nơi cất giấu TV, PT	Khám phương tiện vận tải, đồ vật
Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra							
	Người thành niên	Người chưa thành niên		Người thành niên	Người chưa thành niên		Người thành niên	Người chưa thành niên						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	61	61	0	0	0	0	0	0		605	0	0



Mẫu số 5

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH (*)

(Kèm theo Báo cáo số: **07** /BC-UBND ngày **18** /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các BPXLHC (đối tượng)					Số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC (đối tượng)								Tình hình thi hành các quyết định áp dụng các BPXLHC của TAND cấp huyện (đối tượng)					Số vụ bị khiếu nại (vụ)	Số vụ bị khởi kiện (vụ)	
Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra							Số NCTNT bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình (đối tượng)	Số đối tượng đang chấp hành quyết định	Số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Số đối tượng được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Số vụ bị khiếu nại (vụ)	Số vụ bị khởi kiện (vụ)
	GDTXPTT	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB		Giới tính	Các BPXLHC													
							Nam	Nữ	Số đối tượng bị áp dụng biện pháp GDTXPTT theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	Số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC theo quyết định của TAND cấp huyện										
										Tổng số	Chia ra									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
193	116	1	0	76	190	190	0	116	74	1	0	73	0	55	0	0	7	5	3	0

